

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST

Ngày: 22 – 4 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử
lý tài sản bảo đảm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Chúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Trứ - Ông Nguyễn Xuân
Trường

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa: Bà
Dương Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh
Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLST- KDTM ngày
17 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-
KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST
– KDTM ngày 08/4/2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản
bảo đảm giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B

Người được ủy quyền: Ông Luân Minh G- Chức vụ: Nhân viên ngân hàng
(văn bản ủy quyền số 127/UQ-BG ngày 16/12/2021) – có mặt

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975 – vắng mặt

2. Bà Ngô Thị V, sinh năm 1979 – vắng mặt

Đều ở địa chỉ: Thôn Đ (nay là thôn TT), xã BL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc
Giang

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** anh Nguyễn Hồng P, sinh năm
1997 (là con trai và cùng địa chỉ với ông Đ bà V) – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn Ngân
hàng Thương mại cổ phần B trình bày: Ngân hàng Thương mại cổ phần B (viết
tắt là ngân hàng B) cấp tín dụng cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Ngô Thị V, cụ thể
như sau: Ngân hàng B cấp tín dụng cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Ngô Thị V căn cứ

theo thoả thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số BGI.CN.972.070918 ngày 13/9/2018; Hợp đồng cấp tín dụng số BGI.CN.895.221119 ngày 25/11/2019; ngày giải ngân 25/11/2020, số tiền 1.210.000.000 đồng (một tỷ hai trăm mười triệu đồng); Thời hạn cho vay từ 26/11/2020 đến 25/8/2021; ngày 10/12/2020 giải ngân số tiền 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng); Thời hạn cho vay từ 11/12/2020 đến 10/9/2021; ngày 24/5/2021 giải ngân 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), thời hạn cho vay từ 25/5/2021 đến 24/02/2022, phương thức giải ngân là chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Văn Đ. Tổng số tiền cho vay là 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng); Lãi suất cho vay: 9,7%/năm cố định trong 03 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/ lần, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả: 10%/năm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Đ, bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể: ngày 25/8/2021, khoản vay của ngày 25/11/2020 số tiền 1.210.000.000 đồng hết hạn nhưng ông Đ, bà V không thanh toán nên ngày 26/8/2021, ACB đã chuyển số nợ trên sang nợ quá hạn; Ngày 10/9/2021, khoản vay của ngày 10/12/2020 số tiền 190.000.000 đồng đến hạn, ngày 11/9/2021, ACB đã chuyển số nợ trên sang nợ quá hạn; Ngày 05/11/2021, ACB đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay còn lại chưa thanh toán của khế ước nhận nợ ngày 24/5/2021 do ông Đ, bà V vi phạm hợp đồng tín dụng về nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 06/11/2021, ông Đ, bà V còn nợ ACB các khoản sau: nợ gốc 1.700.000.000 đồng, lãi trong hạn 12.068.220 đồng, lãi quá hạn 42.336.466 đồng, phạt lãi chậm trả 219.541 đồng. Tổng nợ: 1.754.624.227 đồng.

Nay ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, giải quyết buộc:

- Ông Nguyễn Văn Đ, bà Ngô Thị V trả ngay cho ACB tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 06/11/2021 là 1.754.624.227 đồng.

- Ông Nguyễn Văn Đ, bà Ngô Thị V còn phải tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ kể từ ngày 07/11/2021 đến ngày trả dứt nợ.

- Nếu ông Đ, bà V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm bị thu hồi xử lý là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 0, tờ bản đồ số 0 địa chỉ xã BL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn anh Đ, chị V xác nhận có vay của ngân hàng B chi nhánh Bắc Giang số tiền gốc 1.700.000.000 đồng. Nay ngân hàng khởi kiện đòi số tiền gốc và lãi vợ chồng anh chị không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P trình bày: Anh là con đẻ của ông Đ, bà V. Việc bố mẹ anh ký hợp đồng vay tiền của ngân hàng B anh có biết. Anh có tham gia ký hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo cho khoản vay này. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu bố mẹ anh trả tiền gốc và tiền lãi vay anh không quyết định được việc này, anh sẽ thông báo cho bố mẹ để có phương án giải quyết.

Vợ chồng anh có thể chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là nhà và cửa hàng gia đình đang sinh sống tại phố Hoa cho Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay này. Nguyên vọng của gia đình là thỏa thuận với ngân hàng tìm phương án trả nợ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ngân hàng không rút đơn khởi kiện và trình bày: Việc đơn khởi kiện ghi số nợ gốc 1.700.000.000 đồng nhưng nay số tiền gốc anh Đ, chị V còn nợ là 1.678.500.000 đồng vì ngày 26/11/2021 khác hàng có tiền trong tài khoản nên ngân hàng đã trừ tiền lãi và một phần tiền gốc. Sở dĩ trong đơn vẫn ghi số nợ gốc là 1,7 tỷ là vì tính đến ngày 06/11/2021. Tính đến ngày xét xử anh Đ, chị V còn nợ ngân hàng tiền gốc là 1.678.500.000 đồng và số tiền lãi trong hạn là 13.728.494 đồng, lãi quá hạn là 159.085.800 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 1.028.729 đồng. Ngân hàng yêu cầu anh Đ, chị V phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi kể trên và phải tiếp tục chịu tiền lãi theo thỏa thuận đã ký giữa hai bên đến khi thanh toán trả xong hết khoản nợ. Ngân hàng yêu cầu anh Đ, chị V phải chịu tiền chi phí thẩm định tại chỗ. Trường hợp anh Đ, chị V không thanh toán trả nợ đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử

Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466, 468, 470, 317, 318, 319 370, khoản 2 Điều 357, Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 30; 35, 39, Điều 147; Điều 271; Điều 273, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Xử:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng B, buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Ngô Thị V phải trả cho Ngân hàng B tổng số tiền tính đến ngày 08/4/2022 là: 1.852.343.023 đồng (trong đó tiền gốc 1.678.500.000 đồng; tiền lãi 173.843.023 đồng) và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ kể từ ngày 09/4/2022 đến ngày trả hết nợ.

Trường hợp ông Đ, bà V không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên xử lý các tài sản thế chấp với Ngân hàng.

Về án phí: ông Đ, bà V phải chịu 67.570.290 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và tiền chi phí thẩm định giá tài sản. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc hộ gia đình ông Ngô Văn Đạt có đăng ký kinh doanh, có nơi cư trú tại xã BL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang trả số tiền vay và tiền lãi. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người này.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy:

Ngày 13/9/2018 ngân hàng B và Anh Đ, chị V ký thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số BGI.CN.972.070918; Ngày 25/11/2019 ngân hàng B và anh Đ, chị V ký hợp đồng cấp tín dụng; Ngày 10/12/2020, Ngân hàng B và anh Nguyễn Văn Đ, chị Ngô Thị V ký thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung và hợp đồng cấp tín dụng. Theo các hợp đồng và thỏa thuận đã ký, ngân hàng B cấp tín dụng hạn mức cho anh Đ, chị V với số tiền là 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng) với thời hạn là 12 tháng, thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 9 tháng. Thực hiện thỏa thuận giữa hai bên, ngân hàng B đã giải ngân cho anh Đ, chị V làm 4 lần với số tiền cụ thể như sau: lần 1, lần 2 ngày giải ngân 25/11/2020, số tiền là 600.000.000 đồng và 610.000.000 đồng; Thời hạn cho vay từ 26/11/2020 đến 25/8/2021; lần 3 ngày 10/12/2020 giải ngân số tiền 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng); Thời hạn cho vay từ 11/12/2020 đến 10/9/2021; lần 4 ngày 24/5/2021 giải ngân 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), thời hạn cho vay từ 25/5/2021 đến 24/02/2022, phương thức giải ngân là chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Văn Đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các khoản vay giải ngân hàng 25/11/2020 và giải ngân hàng 10/12/2020 đến kỳ hạn phải thanh toán nhưng anh Văn, chị Đạt không thanh toán trả được khoản nợ này, các khoản nợ này được ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn. Tại mục 6.1.16 Điều 6 của hợp đồng thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện cấp tín dụng chung đã thỏa thuận trường hợp ngân hàng B được thu hồi nợ trước hạn đó là: *“bên được cấp tín dụng, bên bảo đảm có một hoặc một số khoản cấp tín dụng chuyển sang nợ quá hạn.....”*. Do vi phạm về nghĩa vụ nên ngân hàng B đã thông báo chuyển khoản nợ được giải ngân ngày 24/5/2021 mặc dù chưa đến hạn thanh toán sang nợ quá hạn là đảm bảo đúng như thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, việc ngân hàng B khởi kiện yêu cầu anh Văn, chị Đạt thanh toán tất

cả các khoản còn dư nợ gốc là đúng quy định của pháp luật, đúng thỏa thuận trong hợp đồng nên cần được chấp nhận. Đến nay, anh Văn, chị Đạt mới thanh toán cho ngân hàng được một phần tiền gốc nên cần buộc anh Văn, chị Đạt phải thanh toán trả cho ngân hàng số tiền gốc là 1.678.500.000 đồng (một tỷ sáu trăm bảy mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

[3] Về tiền lãi, HĐXX thấy:

Trong khế ước nhận nợ giữa hai bên có 3 loại lãi suất, lãi trong hạn là 9,7%/năm và 9,5%/năm; lãi suất này cố định trong 6 tháng đầu tiên, sau đó có điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của riêng ngân hàng B. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và thỏa thuận lãi suất chậm trả của khoản tiền lãi chậm trả là 10%/năm. Thỏa thuận lãi suất giữa hai bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (22/4/20022) anh Đ, chị V còn nợ ngân hàng B số lãi trong hạn của các khoản vay là: 13.728.494 đồng. Số lãi quá hạn của các khoản vay là 159.085.800 đồng, lãi chậm trả là 1.028.729 đồng. Tổng số tiền lãi anh Đ, chị V còn nợ ngân hàng B là: 173.843.023 đồng.

Nên cần buộc anh Đ, chị V phải trả cho ngân hàng số tiền gốc là: 1.678.500.000 đồng và số tiền lãi là 173.843.023 đồng.

- Về lãi suất chậm thi hành án: Giữa ngân hàng và anh Đ, chị V thỏa thuận lãi của nợ gốc điều chỉnh theo từng thời kỳ nên cần chấp nhận thỏa thuận này giữa hai bên. Đối với phần lãi chậm trả tiền lãi hai bên thỏa thuận là chỉ tính khoản lãi trong hạn. Do vậy, đối với khoản lãi trong hạn mà chậm thực hiện nghĩa vụ thì ngân hàng chỉ được tính theo mức đã thỏa thuận là 10%/năm mà không được điều chỉnh.

[4] Về tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay của mình, anh Đ, chị V có ký hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0 địa chỉ xã BL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Việc thế chấp hai bên đã đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên có hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp anh Đ, chị V không trả được nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp này theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí, chi phí tố tụng:

Anh Đ, chị V phải chịu số tiền án phí là: 36.000.000 đồng + (1.052.343.023 đồng x 3 %) = 67.570.290 đồng.

Về chi phí tố tụng: tại phiên tòa đại diện ngân hàng yêu cầu phía bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định tại chỗ. Việc thẩm định hết 1.200.000 đồng do ngân hàng đã nộp số tiền này nên cần buộc anh Đ, chị V phải trả cho ngân hàng số tiền thẩm định tại chỗ này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 156; Điều 157; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 463, Điều 466, Điều 468, 470, 317, 318, 319 370, khoản 2 Điều 357, Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015

Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng

Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B. Xử:

1. Buộc Anh Nguyễn Văn Đ, chị Ngô Thị V phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền gốc là: 1.678.500.000 đồng (một tỷ sáu trăm bảy mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) và số tiền lãi là 173.843.023 đồng. Tổng cả gốc và lãi là: 1.852.343.023 đồng (một tỷ tám trăm năm mươi hai triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn không trăm hai mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong anh Đ, chị V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn nợ gốc, nợ lãi trong hạn chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong khế ước nhận nợ số 01, TK số 0324344769 ngày 10/12/2020; khế ước nhận nợ số 02 tài khoản số 336701649 ngày 24/5/2021; khế ước nhận nợ số 11; TK số 232172749 ngày 25/11/2020; khế ước nhận nợ số 10; TK số 323141109 ngày 25/11/2020; thỏa thuận về điều khoản và điều kiện tín dụng chung số BGI.CN.972.070918 ngày 13/9/2018; Hợp đồng cấp tín dụng số BGI.CN.895.221119 ngày 25/11/2019 và phụ lục hợp đồng; thỏa thuận về điều khoản và điều kiện tín dụng chung số BGI.CN.3274.081220 ngày 10/12/2020; Hợp đồng cấp tín dụng số BGI.CN.3277.081220 ngày 10/12/2020.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp anh Ngô Văn Đạt, chị Ngô Thị V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 0, tờ bản đồ số 0, địa chỉ: Thôn Đ (nay là thôn TT), xã BL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang mang tên hộ ông Ngô Văn Đạt

2. Về án phí: Anh Ngô Văn Đạt, chị Ngô Thị V phải chịu 67.570.267 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần B 21.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007821 ngày 17/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Ngô Văn Đạt, chị Ngô Thị V phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B 1.200.000 đồng tiền thẩm định tại chỗ.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần B quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ, chị V, anh Phúc có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đặng Văn Chúc